

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 694/2024/HS-PT

Ngày: 21-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Từ ngày 14/8 đến ngày 21/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2024/TLPT-HS ngày 09/02/2024, đối với bị cáo Nguyễn Văn H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2023/HS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 689/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: (không có), sinh năm 1973, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú hiện nay: Ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị Kim A (chết); Bị cáo có vợ là bà Trần Thị Yến A1, sinh năm 1974; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999.

- Tiền án: Ngày 23/11/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 37/PT-HS, đã chấp hành xong phần hình phạt, chưa chấp hành nộp án phí và bồi thường thiệt hại.

- Tiền sự: Chưa có.

Ngoài ra vào ngày 22/8/2016, bị Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” tại Bản án số 101/2016/HS-ST ngày 09/12/2016, hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

- Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/5/2015, cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Đỗ Hải B, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu L, là Luật sư của Công ty TNHH MTV T7, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

3. Bà Nguyễn Lan O, là Luật sư của Công ty TNHH MTV L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

4. Ông Huỳnh Anh T1, là Luật sư của Công ty L4 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

5. Ông Trịnh Bá T2, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Bá T2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Lâm Văn N, sinh năm 1953; Địa chỉ: số E N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đã chết).

Người đại diện của hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1956; Địa chỉ: E đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lâm Văn N (sinh năm 1953, ngụ số E N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh) là người hành nghề chạy xe ôm ở khu vực Lộ C, Tòa T Tây Ninh. Chiều ngày 07/3/2015, gia đình phát hiện ông N mất tích, không liên lạc được nên trình báo Cơ quan Công an. Sau đó đến sáng ngày 09/3/2015, anh Lê Thanh H1 (sinh năm 1988, ngụ ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh) phát hiện có một người đàn ông nằm chết trong vườn cao su của ông Lê Sĩ H2 ở tổ A, ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh nên trình báo cơ quan chức năng. Người nhà ông N đến nhận dạng và xác định tử thi chính là ông N, đồng thời xác định ông N bị giết hại và lấy mất tài sản gồm: giấy tờ tùy thân, điện thoại di động N1, xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh biển số 70K8-6600, riêng tiền mặt mang theo gia đình không xác định được.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã xác định và tiến hành bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn H. Kết quả điều tra H thừa nhận hành

vì giết, cướp tài sản của ông Lâm Văn N và khai nhận:

Do thường xuyên qua C ở V Campuchia để đánh bạc bị thua dẫn đến thiếu tiền nhiều người và không dám về nhà nên Nguyễn Văn H thuê ở trọ tại nhà T thuộc thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ngày 07/3/2015, khoảng 09 giờ H trả phòng tại nhà trọ Thiên Ân nhưng do không có tiền trả tiền thuê phòng 02 ngày với số tiền 140.000 đồng, nên H xin thiếu và bị chủ nhà trọ giữ lại hành lý là quần áo làm tin. Sau khi trả phòng trọ, H mang theo nón bảo hiểm rồi đi đến quán cà phê Mái L1 uống nước. Đến 13 giờ cùng ngày, H mang theo nón bảo hiểm và đón xe buýt đi từ khu vực thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đến khu vực Tòa T với ý định đợi đến chiều tối sẽ đến nhà bà Phan Thị D (mẹ vợ của H) tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để mượn tiền tiêu xài.

Khoảng hơn 14 giờ, H xuống xe tại cửa Chánh môn Tòa T, vì còn sớm nên H đi lòng vòng trong khu vực nội ô Tòa Thánh đợi đến chiều sẽ xuống nhà bà D. H đi bộ đến khu vực cửa số 2 Tòa Thánh mua trái cây của một người phụ nữ bán hàng rong (không xác định được họ tên và địa chỉ), lợi dụng người phụ nữ không để ý, H lấy cắp một con dao bỏ vào túi quần. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H đi bộ ra khu vực cửa Chánh Môn T thì gặp N đang đứng đón khách đi xe ôm; ông N mời đi xe, H đồng ý và kêu chờ H đến khu vực xã T. Khi lên xe H đội mũ bảo hiểm đã mang theo trước đó, ông N chở H đi được một đoạn, H có điện thoại cho bà D nhưng không gặp nên kêu ông N chở về nhà tại ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh và thống nhất trả tiền xe ôm là 150.000 đồng. Khi ông N chở H về đến khu vực ấp E, xã S, huyện T, H thay đổi ý định không về nhà mà kêu ông N chở về xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh để mượn tiền của người quen trả cho ông N, ông N đồng ý chở H quay về xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Đến khoảng 17-18 giờ cùng ngày, ông N chở H đến khu vực đường K - S thuộc ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Lúc này, H nảy sinh ý định giết ông N để cướp tài sản nên khi đi ngang rẫy măng cầu đang tưới bằng vòi nước phun H kêu ông N rẽ vào đường lô cao su để đến chòi giữ rẫy măng cầu, hỏi mượn tiền trả; ông N chở H đến cuối đường và chuẩn bị dừng xe lại, H ngồi phía sau dùng tay trái chụp nắm chặt cổ ông N đẩy về phía trước làm xe mô tô ngã về phía bên trái, H nói “*Chú để tui lấy xe*”, ông N truy hô “*Cứu tôi với bà con ơi, cướp, cướp, cướp*”, lúc này H đứng sau lưng tay trái vẫn nắm chặt cổ ông N, H dùng tay phải lấy dao từ trong túi quần bên phải ra cầm trong tư thế mũi dao hướng từ ngón út đến ngón cái đâm vào hông phải ông N 01 nhát, ông N dùng tay phải chụp tay cầm dao của H và giằng co để thoát thân, H đâm tiếp nhiều nhát vào người ông N; tiếp đó ông N dùng hai tay nắm tay phải của H, H dùng tay trái đẩy ông N ngã xuống đất trong tư thế nằm sấp, H nằm đè lên người ông N, tay trái vẫn nắm cổ áo ông N, do dao của H vẫn đang bị đè dưới ngực ông N, mũi hướng lên trên nên khi ông N giãy giụa chồm người lên thì bị H dùng tay trái và thân người đè xuống nhiều lần, làm mũi dao tiếp tục đâm vào ngực ông N. Khi thấy ông N nằm im, H đổi tư thế ngồi về phía đầu, hai gối H đè lên hai vai, tay trái đè cổ ông N, tay

phải H cầm dao đâm vào ngực ông N không cho ngồi dậy. Một lúc sau, khi thấy ông N nằm bất động, H lấy 01 điện thoại Nokia X1-01 màu đen trong túi quần trái, 01 ví da trong túi quần phải của ông N rồi để vào trong nón bảo hiểm của ông N (nón bảo hiểm dùng cho khách đội khi đi xe ôm) và để nón lật ngửa ở бага xe mô tô và điều khiển xe mô tô Honda Wave Anpha màu xanh, biển số 70K8-6600 cướp được chạy về hướng ngã ba K rẽ trái ra đường 785 về hướng thành phố T. Khi đến khu vực cầu K kênh T thuộc ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, H dừng xe cặp bờ kênh rửa tay, giặt áo, kiểm tra ví không có tiền nên vứt nón bảo hiểm, con dao và ví xuống kênh. H tiếp tục điều khiển xe mô tô vừa cướp được chạy về hướng xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh để nhờ người đưa sang V Campuchia.

Khi đến chợ H7, do điện thoại cá nhân hết tiền nên H lấy điện thoại vừa cướp được của ông N gọi cho ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1964, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh) thuê đưa H qua cửa khẩu P để H qua biên giới với giá 100.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, H qua được Vương quốc Campuchia và đến casino B, H mang xe mô tô Honda Wave Alpha biển số 70K8-6600 cầm cố cho ông Ngoun H3 (sinh năm 1964, ngụ ấp V, xã B, huyện R, tỉnh Svayrieng, Campuchia) kinh doanh dịch vụ cầm đồ trước cửa casino Bô Mon với giá 4.000.000 đồng rồi vào casino đánh bài đến sáng hôm sau thua hết tiền. Đến khoảng 10 giờ ngày 08/3/2015, H ra trước cổng casino tiếp tục cầm cố điện thoại Nokia X1-01 cho bà Koen Y (sinh năm 1963, ngụ ấp V, xã B, huyện R, tỉnh Svayrieng, Campuchia) kinh doanh dịch vụ cầm đồ trước cửa casino với giá 200.000 đồng rồi H điện thoại kêu ông Q đón về Việt Nam và chở đến khu vực bến xe T, H gửi lại nón bảo hiểm cho ông Q rồi đón xe xuống khu vực phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh lẫn trốn và sinh sống bằng nghề làm thuê. Đến ngày 10/5/2015, H bị bắt giữ.

Kết luận giám định số 37/PY-2015 ngày 26/3/2015, của Phòng K2 Công an tỉnh T (đối với tử thi của ông Lâm Văn N), kết luận: *tử vong do đa vết thương hở vùng ngực-bụng làm thủng tim, phổi và tiểu tràng do vật sắc nhọn gây ra.*

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 05/5/2015, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND tỉnh T kết luận: Tại thời điểm ngày 07/3/2015:

- Xe mô tô Wave Alpha màu xanh, biển số 70K8-6600, số máy HC09E-0584795, số khung RLHHC09053Y584656 trị giá 9.000.000 đồng;

- Điện thoại di động N1 màu đen, số imel: 358291/04/402597/4 trị giá 500.000 đồng.

Kết luận giám định số 5967/KL-KTHS ngày 20/12/2022, của V - Bộ C3 đối với 02 file video được lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu Hoco (“01105.MTS, thời lượng 19 phút 59 giây” và “IMG_0110.MOV”, thời lượng 13 phút 00 giây”), kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file video mẫu cần giám định.

- Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (Chi tiết trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định kèm theo).

Kèm theo Kết luận giám định: 01 bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 17 trang giấy khổ A4.

Quá trình điều tra H thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến của hành vi phạm tội. Đến ngày 30/9/2015, H thay đổi lời khai và kêu oan.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2016/HSST ngày 29/4/2016, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”; buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung là tù hình.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 224/2017/HSPT ngày 15/5/2017, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST ngày 26/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản”; buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2022/HS-PT ngày 25/3/2022, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Căn cứ vào kết quả điều tra lại có đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn H chính là người thực hiện hành vi giết và cướp tài sản của ông N, nên việc kêu oan của H là không có cơ sở.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS-P2, ngày 10/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo H về tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2023/HS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

[2] Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H tử hình về tội “Giết người”.

[3] Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

[4] Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Tổng hợp hình phạt, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H tử hình.

[5] Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự,

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo bản án số 101/2016/HSST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Hình phạt chung bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành là tử hình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 04/01/2024, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo kêu oan.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo H cho rằng các lời khai nhận tội của bị cáo tại Công an phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh T có sự tham gia của Luật sư Trần Thế Hòa B1 là do bị đánh đập; thực tế bị cáo không giết ông N và cướp tài sản. Bị cáo khai mua chiếc xe của đối tượng tên K với giá 1.000.000 đồng, khi đổ xăng thì mới phát hiện trong cốp xe có chiếc điện thoại; sau đó chạy qua C1 cầm xe, đánh bạc hết tiền và sáng hôm sau cầm luôn chiếc điện thoại. Bị cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Bị cáo H đã có hành vi giết ông N, sau đó chiếm đoạt 01 chiếc xe máy và 01 điện thoại di động có giá trị tổng cộng là 9.500.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, nhận thấy bản cáo trạng truy tố bị cáo H với các tình tiết định khung tại các điểm e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, nhưng bản án sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung thêm điểm e khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ, có 01 tiền án nên bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo với mức hình phạt tử hình là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo H phát biểu ý kiến như sau:

Luật sư Nguyễn Lan O:

Bản án sơ thẩm căn cứ vào 02 file video để xét xử bị cáo H, tuy nhiên 02 file video này không thể hiện ngày tháng, người quay video, việc quay video này có tham gia của Luật sư hay không; nội dung 02 file video này không thể hiện nội dung bị cáo H nhận tội.

Bản án sơ thẩm cho rằng bị cáo có điện thoại cho mẹ vợ (là bà D) nhưng không chứng minh được có cuộc gọi nào từ điện thoại của bị cáo đến số điện thoại của bà D. Bản án sơ thẩm quy buộc bị cáo lấy dao của người bán trái cây trước khi thuê ông N chở về nhà mẹ vợ để mượn tiền, vậy bị cáo mang dao theo nhằm mục đích gì. Khi bị cáo liên tục thay đổi địa điểm đến chắc chắn ông N sẽ nghi ngờ và sẽ không tiếp tục chở bị cáo đi, do đó cáo buộc này là không logic. Tại hiện trường có hệ thống tưới nước, chắc chắn sẽ có người ở gần đó, thế tại sao khi ông N kêu cứu thì không ai nghe thấy. Bản án sơ thẩm cáo buộc bị cáo vút dao, bóp của ông N xuống kênh nhưng cơ quan điều tra đã không thu thập được tang vật. Bản án mô tả bị cáo đâm nhiều nhát nhưng tại hiện trường có rất ít máu của nạn nhân. Mặt khác, thu giữ tại hiện trường 02 đầu lọc thuốc lá, kết quả giám định không phải của bị cáo mà là của 01 người nam và 01 người nữ.

Khi bị cáo gây án xong và rời đi thì nạn nhân nằm úp, nhưng hiện trường thì nạn nhân ngồi dựa vào cây cao su, kính mắt vẫn còn đeo trên mắt và nón bảo hiểm vẫn còn đội trên đầu. Bị cáo giết ông N để cướp tài sản tại sao trên tay ông N vẫn còn chiếc đồng hồ không bị cướp.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Luật sư Huỳnh Anh T1: Theo bà Hương T4 là chủ tiệm cầm đồ khu vực gần nơi ông N đứng đón khách thì có 01 người nam và 01 người nữ đến tiệm của bà để cầm 01 chiếc xe không có bảng số nên bà đã không cầm. Nhân chứng là ông Đoàn Thanh S, là người ở gần nơi ông N đứng đón khách xác định người thanh niên bắt xe ông N trạc chừng 28 tuổi, có hình xăm trên người nhưng kết quả kiểm tra thân thể bị cáo H không hề có hình xăm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Luật sư Nguyễn Hữu L:

Nội dung file video do Điều tra viên tên Đinh Trọng H4 làm việc thể hiện trước khi quay video này thì đã có 01 cuộc làm việc giữa bị cáo và Điều tra viên nhưng hồ sơ không thể hiện nội dung này, do đó việc bị cáo H khai bị Điều tra viên đánh đập, hướng dẫn khai là có căn cứ. Ông Ngoun H3 đem xe nộp cho Công an tỉnh T nhưng tại sao việc giám định lại thực hiện tại Công an huyện C. Bà T5 (chị dâu bị cáo H) khai khi bị cáo gọi vào máy của bà D thì bà T5 nghe máy, bà T5 cho biết bà D không có ở nhà thì bị cáo tắt máy, không có việc bà T5 chở bị cáo. Việc bị cáo thuê ông N chở đi với giá 150.000 đồng nhưng không thể hiện giá tiền khi

quay lại.

Tại bút lục số 897 thể hiện bị cáo có mặt tại nhà trọ T8 lúc 18 giờ 00 ngày 06/3/2015, nhưng hình ảnh camera tại tiệm cầm đồ của bà Koen Y tại C thể hiện bị cáo có mặt đây lúc 16 giờ 40 phút cùng ngày là mâu thuẫn.

Tại hiện trường có vết máu trên cây cao su nhưng cơ quan điều tra đã không giám định vết máu này là không đúng quy định. Mặt khác, mũ bảo hiểm của ông N vẫn đội trên đầu và không dính đất hay cát.

Bà Lâm Thị H5 là con ông N khai từ 09-10 giờ này 07/3/2015 đã không liên lạc được với ông N nên bản án sơ thẩm xác định bị cáo đón xe của ông N vào lúc khoảng 15 giờ cùng ngày là không đúng.

Đường từ hiện trường vụ án về kênh T21 rất đông người, dễ bị phát hiện, do đó cáo buộc bị cáo chạy xe máy đến đây để tắm rửa, vứt tang vật là không có căn cứ.

Việc ông H và ông H6 khai không gặp bị cáo tại chợ L5 là không khách quan vì trước đây bị cáo đã tạt axít em ruột ông H6 nên hai bên có mâu thuẫn.

Ông Nguyễn Văn C2 khai khoảng 08 giờ sáng ngày 08/3/2015 có thấy 01 chiếc xe Honda 67 chạy vào khu vực này nhưng Cơ quan điều tra đã không tiến hành giám định dấu vết bánh xe.

Hiện trường là khu vực trồng cao su, măng cầu nên hàng ngày đều có người vào làm việc nhưng tại sao đến ngày 09/3/2015 mới phát hiện được thi thể ông N.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định ông N bị giết ở nơi khác và đây là hiện trường giả. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Luật sư Đỗ Hải B: Diễn biến thực nghiệm hiện trường không phù hợp về thời gian so với thực tế, do đó bản án sơ thẩm mô tả bị cáo rời nhà trọ T, đi lòng vòng, mua trái cây, lấy cắp con dao, rồi thuê xe của ông N là không đúng. Hiện trường lập ngày 09/3/2015 thể hiện mũ tại vết chém trên cây cao su vẫn còn màu trắng, chưa chuyển sang màu đen, như vậy xác định nạn nhân chết ngày 07/3/2015 là vô lý. Luật sư chỉ định cho bị cáo tham gia lấy cung thông thường chỉ là hình thức, do Cơ quan điều tra hợp thức hoá nên việc bị cáo cho rằng bị đánh đập, móm cung là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh để điều tra lại vụ án.

Luật sư Trịnh Bá T2: Không phát biểu.

Kiểm sát viên đối đáp: Lời khai ban đầu của bị cáo, lời khai của bị cáo có Luật sư tham gia là có căn cứ, khách quan. Tại hiện trường có ít vết máu là do từ khi chết đến lúc phát hiện hơn 36 tiếng đồng hồ và trên nền đất cát. Việc bị cáo có điện thoại cho bà D hay không không phải là vấn đề quan trọng. Nội dung video

thể hiện bị cáo trả lời rất chi tiết, bình thản. Do đó bị cáo H không oan. Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm đã phát biểu.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo H kêu oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện đề thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc áp dụng pháp luật:

Hành vi phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản” do bị cáo H thực hiện vào ngày 07/3/2015 là tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật.

So sánh Điều 93, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 với Điều 123, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các quy định tại Điều 123, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là nhẹ hơn so với luật cũ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố và Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xét xử bị cáo H theo các điều luật tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại điểm b khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khoá 14 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo H kêu oan, cho rằng bị cáo không giết ông N và không cướp chiếc xe máy biển số 70K8-6600 và chiếc điện thoại Nokia X1-01 của ông N. Xét lời khai của bị cáo, nhận thấy:

[3.1] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/5/2015 tại Công an phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 196, 196B, 197, 198), có file ghi hình kèm theo (kèm 17 trang giấy khổ A4 dịch nội dung file hình ảnh), bị cáo H đã khai rất chi tiết hành vi giết ông N để cướp chiếc xe máy biển số 70K8-6600 và chiếc điện thoại N1.

Bị cáo H cho rằng Công an phường Đ bắt bị cáo vào tối ngày 09/5/2015, nhốt bị cáo vào một phòng tối, cho bị cáo xem 01 video có nội dung như vườn cao su, măng cầu, đám khoai mì sau đó hăm dọa, đánh đập bị cáo nên bị cáo mới khai nhận có thực hiện hành vi giết ông N để cướp xe máy và điện thoại như trên. Đây chỉ là lời khai nại không có căn cứ của bị cáo H, nhằm chạy tội, trốn tránh trách nhiệm. Bởi vì biên bản ghi lời khai có chữ ký của Ban chỉ huy công an phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và tại Bản kết luận giám định số 5967/KL-KTHS ngày 20/12/2022 của V - Bộ C3 thì tại file hình ảnh này: *Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file video mẫu cần giám định.*

Do đó, việc các Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng các file ghi hình này không thể hiện thời gian, người thực hiện ghi hình, nội dung các file ghi hình này không thể hiện nội dung bị cáo nhận tội... là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Tại các Biên bản hỏi cung bị cáo, Bản tự khai của bị cáo có sự tham gia của Luật sư Trần Thế Hòa B1 là người bào chữa cho bị cáo (các bút lục 199-200, 205-212, 215-217, 220, 443-445), bị cáo H cũng đã khai rất rõ, rất chi tiết về hành vi giết ông N và cướp chiếc xe gắn máy và chiếc điện thoại nêu trên. Việc Luật sư bào chữa cho bị cáo H tại phiên toà phúc thẩm cho rằng Luật sư chỉ định chỉ là việc hợp thức hoá cho Cơ quan điều tra là không có căn cứ để chấp nhận. Vì Bộ luật Tố tụng hình sự quy định trường hợp này phải có mặt Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[3.3] Tại Biên bản ghi lời khai ông Trần Quang M là người quản lý nhà trọ Thiên Ân ngày 19/01/2018 (bút lục số 897-898) và Biên bản tạm giữ đồ vật ngày 26/6/2015 (bút lục 259-260) thể hiện: Bị cáo H thuê phòng số 11 lúc 18 giờ ngày 05/3/2015; khoảng 08-09 giờ sáng ngày 06/3/2015 bị cáo rời phòng trọ nói đi làm; đến 18 giờ ngày 06/3/2015 về phòng trọ để nghỉ; khoảng 08-09 giờ sáng ngày 07/3/2015 ra quây lể tân mượn lại giấy chứng minh nhân dân để đi làm, thiếu nhà nghỉ 140.000 đồng, không có tiền trả nên để lại 01 cái cặp có 02 quai xách màu đen trong đó có quần áo của bị cáo H. Như vậy, ngay cả 140.000 đồng tiền thuê trọ mà bị cáo cũng đã không có để trả, nên việc bị cáo H khai rằng bị cáo mua chiếc xe của 01 người nam và 01 người nữ với giá 1.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng theo hình ảnh camera do bà Koen Y cung cấp thì cùng trong ngày 06/3/2015 nhưng lúc 18 giờ bị cáo có mặt tại nhà trọ T8 và lúc 16 giờ 40 phút bị cáo có mặt tại tiệm cầm đồ của bà Koen Y ở C. Xét thấy:

- Tại Biên bản nhận dạng (bút lục số 240-242), bị cáo H xác định “*người đàn ông mặc áo thun ngắn tay, sọc ngang, màu tối có thể là tôi*”;

- Tại Biên bản nhận dạng (bút lục số 149-153), bà Koen Y xác định chính bị cáo H là người đã cầm chiếc điện thoại N1 cho bà;

- Trong suốt quá trình tố tụng bị cáo H cũng xác định chính bị cáo đã cầm chiếc điện thoại N1 cho bà Koen Y;

- Tại các tấm ảnh chụp từ camera được ghi ngày 08/3/2015 tại tiệm cầm đồ của bà Koen Y thì bị cáo H xuất hiện tại đây như sau (theo thứ tự giờ, phút, giây): 10:43:39 (bút lục 142), 10:43:41 (bút lục 147), 10:46:05 (bút lục 146), 10:46:06 (bút lục 145), 10:46:20 (bút lục 144) và 10:48:35 (bút lục 140).

Riêng các tấm ảnh chụp từ camera ghi lúc 16:20:02 ngày 06/3/2015 (bút lục số 141, 240) là một người đàn ông mặc áo sơ mi màu sáng, không phải bị cáo H (theo kết quả nhận dạng của bị cáo H và bà Koen Y). Do đó, việc Luật sư bào chữa

cho bị cáo H cho rằng bị cáo vừa có mặt tại nhà trọ T8, vừa có mặt tại tiệm cầm đồ của bà Koen Y ở C là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Về mặt diễn biến thời gian:

Tại bản tự khai ngày 30/9/2015 (bút lục 443-445) bị cáo H xác định bị cáo ở quán C4 Lá ở thị trấn T đến khoảng 14-15 giờ thì đón xe buýt đến Tòa T vào khoảng 16 giờ, có gặp ông Nguyễn Văn H và ông H6 tại cửa chợ L5 (tuy nhiên cả ông H và ông H6 đều xác định không gặp bị cáo vào thời gia nêu trên). Sau đó, khoảng 17 giờ bị cáo đón xe đến bến xe T và vào quán C5 xem ti vi đến hết giờ thời sự thì bị cáo đi ăn hủ tiếu và gặp *một đôi nam, nữ chạy 02 xe mô tô không biển số* đến và nhận ra bị cáo. Sau một hồi trò chuyện thì bị cáo mua của người đàn ông tên K (K1) 01 xe mô tô không biển số giá 1.000.000 đồng, đến khoảng 20 giờ thì bị cáo chạy xe về hướng cửa khẩu H8 (C) và dùng điện thoại có trong cốp xe (thấy được khi đổ xăng) gọi cho ông Nguyễn Văn Q nhờ đưa sang Campuchia. Khi sang Campuchia bị cáo cầm xe mô tô được 3.800.000 đồng vào đánh bạc thua hết, sáng ngày 08/3/2015 tiếp tục cầm điện thoại được 150.000 đồng. Khi thua hết thì gọi cho ông Q sang đưa bị cáo về Việt Nam rồi bị cáo đi xuống Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê đến ngày bị bắt. Tuy nhiên tại phiên toà sơ thẩm cũng như tại biên bản hỏi cung (bút lục số 1237) có Luật sư tham gia thì bị cáo lại khai gặp ông H và ông H6 khoảng hơn 16 giờ, sau đó đón xe đến bến xe T khoảng 17 giờ, sau khi mua xe xong là khoảng 19 giờ. Điều này cho thấy các lời khai của bị cáo về thời gian mua xe là mâu thuẫn.

Luật sư bào chữa cho bị cáo viện dẫn lời khai của bà Lê Hương T6 (chủ tiệm cầm đồ Thu B2) và cho rằng *khoảng 19 giờ* tại tiệm cầm đồ của bà T6 *có 01 đôi nam, nữ đem 02 xe mô tô (có 01 xe không biển số) đến hỏi xin cầm xe*, nên có khả năng bị cáo mua xe của 02 người này là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi tại bút lục 331 bà T6 xác định *khoảng thời gian từ 15 giờ đến 19 giờ...có một thanh niên chạy chiếc xe loại xe wave, biển số và màu xe tôi không nhớ đến hỏi cầm xe*.

Mặt khác, tiệm cầm đồ của bà T6 nằm gần Cửa C cũng là bến xe ôm mà ông N đứng đón khách hàng ngày. Nếu cho rằng bị cáo mua xe của đôi nam nữ này và họ là thủ phạm (theo cách suy diễn về các đầu lọc thuốc lá thu tại hiện trường vụ án) thì hoàn toàn không phù hợp với diễn biến tâm lý tội phạm. Vì không một đối tượng phạm tội nào lại đem tài sản cướp được đến địa điểm mà nạn nhân hoạt động hàng ngày.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng lời khai của ông H và ông H6 không khách quan do trước đây bị cáo H đã từng tạt axit em ruột của ông H6 là không có căn cứ để chấp nhận. Vì giữa bị cáo và em của ông H6 có mâu thuẫn đến mức bị cáo đã tạt axit gây thương tích, đến nay chưa bồi thường về dân sự thì việc bị cáo H gặp 02 ông này và hai bên hỏi thăm sức khoẻ của nhau là khó có thể xảy ra.

[3.5] Về kết quả thực nghiệm điều tra: Cơ quan điều tra đã tiến hành thực

nghiệm điều tra tại hiện trường, cho bị cáo mô tả lại chi tiết hành vi phạm tội; thực nghiệm điều tra quá trình bị cáo và nạn nhân di chuyển từ lúc bắt xe đến lúc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; nơi vút hung khí... Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo, phù hợp với thời gian di chuyển, vị trí bị cáo vút hung khí...

[3.6] Về các ý kiến tranh luận của Luật sư đối với hiện trường vụ án:

Về vết mủ cao su: Các tấm ảnh (bút lục 340-341) có trong Bản ảnh khám nghiệm hiện trường thể hiện vết mủ cao su tại vết chém đã đông đặc, ngả sang màu vàng sẫm. Do đó ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng mủ cao su còn màu trắng là không có căn cứ để chấp nhận.

Về vết máu: Tại hiện trường có ít máu là bình thường vì hiện trường vụ án là đất, cát và máu đã thấm.

Về tư thế của bị hại khi phát hiện: Theo kết quả điều tra thì sau khi đâm bị hại xong và rời khỏi hiện trường thì nạn nhân nằm úp mặt xuống đất, nhưng bản ảnh chụp thể hiện nạn nhân nằm nghiêng, phần lưng tựa vào gốc cao su. Điều này là bình thường bởi sau khi bị đâm nhiều nhất, nạn nhân có thể chưa chết hẳn, nên có sự giãy giụa, xê dịch vị trí.

Về mắt kính và nón bảo hiểm: Không có căn cứ nào để xác định hay kết luận khi 02 bên giằng co, đâm nhau thì mắt kính hay mũ bảo hiểm phải rơi ra.

[4] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Nguyễn Văn H là đối tượng không có việc làm ổn định và thường xuyên tham gia đánh bạc tại V Campuchia dẫn đến thiếu tiền nhiều người và không dám về nhà.

Bị cáo thuê nhà trọ Thiên Ân từ 18 giờ ngày 05/3/2015, đến khoảng 09 giờ ngày 07/3/2015 thì trả phòng, nhưng không có 140.000 đồng trả tiền phòng nên phải để lại túi xách chứa quần áo để làm tin. Sau khi trả phòng trọ, H đi đến quán cà phê Mái L1 uống nước.

Đến 13 giờ cùng ngày, H đón xe buýt đi đến khu vực Tòa T với ý định đợi đến chiều tối sẽ đến nhà bà Phan Thị D (mẹ vợ của H) tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để mượn tiền tiêu xài.

Khoảng hơn 14 giờ, H xuống xe tại cửa Chánh môn Tòa T, vì còn sớm nên H đi lòng vòng trong khu vực nội ô Tòa Thánh đợi đến chiều sẽ xuống nhà bà D. H đi bộ đến khu vực cửa số 2 Tòa Thánh mua trái cây của một người phụ nữ bán hàng rong (không xác định được họ tên và địa chỉ), lợi dụng người phụ nữ không để ý, H lấy cắp một con dao bỏ vào túi quần. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H đi bộ ra khu vực cửa Chánh Môn T và bắt xe của ông N đi đến khu vực xã T. Trên đường đi, H

điện thoại cho bà D nhưng không gặp nên yêu cầu ông N chở về nhà tại ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh và thống nhất trả tiền xe là 150.000 đồng. Khi đến khu vực ấp E, xã S, huyện T, H thay đổi ý định không về nhà mà yêu cầu ông N chở về xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh để mượn tiền của người quen trả cho ông N. Đến khoảng 17-18 giờ cùng ngày, khi đến khu vực đường K - S thuộc ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh, H nảy sinh ý định giết ông N để cướp tài sản, H yêu cầu ông N rẽ vào đường lô cao su để đến chòi giữ rẫy măng cầu, hỏi mượn tiền trả. Tại đây, H đã dùng dao giết ông N, cướp 01 chiếc xe gắn máy biển số 70K8-6600 và 01 điện thoại Nokia X1-01, có tổng giá trị 9.500.000 đồng.

Sau khi giết ông N, cướp tài sản, bị cáo điều khiển xe đến kênh K21 vút hung khí; dùng điện thoại cướp được gọi cho ông Nguyễn Văn Q để đưa sang C. Tại đây bị cáo đã cầm chiếc xe cho ông Ngoun H3, lấy tiền đánh bạc. Sáng hôm sau thua hết tiền, bị cáo đã cầm chiếc điện thoại N1 cho bà Koen Y; gọi cho ông Q đưa về Việt Nam và bỏ trốn.

Nguyễn Văn H là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc tước đoạt mạng sống của người khác và dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội, nhưng vì muốn có tiền để đánh bạc, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp tước đoạt mạng sống và chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, không oan.

Tuy nhiên nhận thấy, tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-P2 ngày 10/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo H về tội “*Giết người*” với các tình tiết định khung tăng nặng “*Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo quy định tại các điểm e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “*Giết người*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Có tính chất côn đồ*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Xét thấy bản Cáo trạng truy tố bị cáo H theo các điểm e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và bản án sơ thẩm xét xử bị cáo H theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là không chính xác. Hành vi của bị cáo H chính xác phải được truy tố, xét xử theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với bị cáo, cụ thể như sau:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội cố ý gây thương tích chưa

được xoá, nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ.

Với việc xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như trên, bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo H với mức án tử hình là có căn cứ, phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo H không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà. Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm áp dụng sai điểm của điều luật nên cần phải điều chỉnh lại cho đúng.

[6] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận lời bào chữa và đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2023/HS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm các tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

[2] Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H tử hình về tội “Giết người”.

[3] Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

[4] Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt

chung của 02 tội là tử hình.

[5] Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự,

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo bản án số 101/2016/HS-ST ngày 09/12/2016 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là tử hình.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn H bị tạm giam từ ngày 10/5/2015 đến nay.

[7] Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[10] Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn H có quyền làm đơn xin Chủ tịch nước ân giảm hình phạt tử hình.

[11] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa